



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Phan Chu Trinh - P. Hải Cảng - Tp. Quy Nhơn - Bình Định

Điện thoại: 0256.3893239/3893888 Fax: 0256.3893888

Website: www.quynhonnewport.vn

TÀI LIỆU

**TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**



Bình Định, tháng 04/2018

DANH MỤC TÀI LIỆU

TT	Nội dung	Trang
1	Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông	1
2	Dự thảo Quy chế làm việc tại cuộc họp	2
3	Tờ trình về việc thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp	5
4	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và Kế hoạch năm 2018	6
5	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch năm 2018	9
6	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Ban Giám đốc	12
7	Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán	14
8	Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2017	48
9	Tờ trình về việc phê duyệt thù lao HĐQT và BKS năm 2018	49
10	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018	50
11	Tờ trình về việc thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty	51
12	Phiếu biểu quyết	64
13	Dự thảo Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018	65
14	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018	69

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Thời gian họp: Từ 07h15 đến 10h30 ngày 27 tháng 4 năm 2018

Địa điểm: Tầng 8, Khách sạn Sài Gòn – Quy Nhơn

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
07h15 - 07h45	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu, lập danh sách các cổ đông đăng ký tham dự họp	Ban tổ chức
07h45 - 08h00	- Ổn định tổ chức - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp - Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự - Phát biểu khai mạc cuộc họp	Ban tổ chức Ban kiểm tra tư cách cổ đông Ban tổ chức Chủ tịch HĐQT
08h00 - 08h10	- Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc, danh sách Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp - Đại hội cho ý kiến biểu quyết thông qua	Giám đốc
08h10 - 08h15	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và Kế hoạch năm 2018	HĐQT
08h15 - 08h25	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch năm 2018	Trưởng BKS
08h25 - 08h35	- Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Ban Giám đốc - Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán	Giám đốc
08h35 - 08h45	- Các Tờ trình Đại hội: + Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2017; + Tờ trình về việc phê duyệt thù lao HĐQT và BKS năm 2018; + Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018; + Tờ trình về việc thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.	HĐQT
08h45 - 09h15	- Đại hội thảo luận	Đoàn chủ tịch
09h15 - 09h20	- Biểu quyết thông qua từng vấn đề bằng Phiếu biểu quyết	Đại hội
09h20 - 09h50	- Đại hội nghỉ giải lao	Ban tổ chức
09h50 - 10h00	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề	Ban kiểm phiếu
10h00 - 10h30	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông - Bế mạc cuộc họp.	Ban Thư ký Chủ tịch HĐQT

BAN TỔ CHỨC

Bình Định, ngày 27 tháng 04 năm 2018

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC

**TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn;

Để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành công, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các Cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Ban Tổ chức cuộc họp kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia cuộc họp có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các Cổ đông Công ty có tên trong danh sách chốt ngày 27/3/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đều có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 - Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Mỗi Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự cuộc họp nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có Mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu có quyền biểu quyết.

Các Cổ đông đến dự họp muộn hơn thời gian quy định có quyền đăng ký tham dự họp và tham gia biểu quyết nhưng hiệu lực các kết quả biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

Trong thời gian diễn ra cuộc họp, các Cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa cuộc họp, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch Đại hội đồng cổ đông

Chủ trì và điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trình Đại hội đồng cổ đông các Báo cáo và Tờ trình tại cuộc họp.

Hướng dẫn Đại hội đồng cổ đông thảo luận.

Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.

Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền tham dự.

Điều 5. Trách nhiệm của Tổ Thư ký

Tổ Thư ký ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của cuộc họp.

Lập và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản cuộc họp.

Hỗ trợ Chủ tọa công bố các văn bản, kết luận hoặc gửi thông báo của Chủ tọa cuộc họp đến các Cổ đông khi được yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra Tư cách Cổ đông và Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự họp và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông.

Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Ban Kiểm phiếu có các nhiệm vụ ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại cuộc họp, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết từng vấn đề để công bố cho Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Phát biểu ý kiến trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông khi phát biểu hoặc can tranh luận thì giơ Thẻ biểu quyết hoặc giơ tay. Để thuận tiện việc ghi vào biên bản, khi được mời phát biểu thì Cổ đông giới thiệu tên và mã số cổ đông. Nội dung ý kiến cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 8. Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết hoặc Thẻ biểu quyết tùy theo vấn đề được quy định tại Khoản 2 của Điều này.

- Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

- Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông, đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

2. Cách thức biểu quyết:

- **Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết:** Đối với những vấn đề mang tính chất thủ tục như: Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc tại cuộc họp; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu; Thông qua quy chế bầu cử; Thông qua Biên bản cuộc họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông tham dự họp biểu

quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: Tán thành hay Không tán thành); những cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

– **Biểu quyết bằng cách ghi Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại cuộc họp. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

+ Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **Tán thành**, hoặc **Không tán thành**, hoặc **Không có ý kiến** một vấn đề bằng cách Cổ đông đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, Cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của Cổ đông để thống kê kết quả.

+ Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

– **Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:**

+ Phiếu biểu quyết không do Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn phát hành và không có dấu treo của Công ty;

+ Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến.

+ Phiếu sửa chữa, gạch xóa hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

+ Phiếu không có chữ ký của Cổ đông.

– **Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.**

3. Các vấn đề tại cuộc họp lần này được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 9. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả nội dung tại cuộc họp phải được Thư ký ghi thành biên bản. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

BAN TỔ CHỨC CUỘC HỌP

Số: 16/2018/TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tiến hành theo đúng quy định, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- | | | |
|------------------------|-------------------|--------------|
| - Ông Lê Hồng Thái | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| - Ông Nguyễn Tín Dân | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Nghiệp | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |

2. Thư ký Đại hội:

- | | | |
|-----------------------|------------------|-------------------|
| - Ông Mai Quang Cường | - Kế toán trưởng | - Thư ký cuộc họp |
|-----------------------|------------------|-------------------|

3. Ban kiểm phiếu:

- | | | |
|------------------------|------------------|--------------|
| - Ông Võ Văn Nhanh | - P.TP KD & ĐĐKT | - Trưởng ban |
| - Ông Tống Khánh Trinh | - Điều độ viên | - Thành viên |
| - Ông Trần Duy Thắng | - Điều độ viên | - Thành viên |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Thái

Số: 17/2018/BC-HDQT

Bình Định, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (HDQT) xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về tình hình tổ chức, hoạt động của HDQT trong năm 2017 và định hướng hoạt động trong năm 2018, cụ thể như sau:

1. Tổ chức của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn năm 2017 gồm các thành viên:

*** Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017:**

- Ông Nguyễn Tín Dân - Chủ tịch HDQT
- Ông Lê Hồng Thái - Thành viên HDQT
- Ông Lê Duy Linh - Thành viên HDQT

*** Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022 (Bổ nhiệm từ ngày 21/04/2017):**

- Ông Lê Hồng Thái - Chủ tịch HDQT
- Ông Nguyễn Tín Dân - Thành viên HDQT
- Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thành viên HDQT

Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; đồng thời chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai thực hiện.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ và không định kỳ, nhằm tăng cường công tác quản trị và bám sát tình hình hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Một số hoạt động chính của Hội đồng quản trị trong năm 2017, cụ thể như sau:

- Thông qua các nội dung, báo cáo, tờ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022; Bổ nhiệm Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;
- Thông qua Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác hạ tầng cầu cảng với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Quyết định về thời gian chốt danh sách và thời điểm chi trả cổ tức năm 2017 cho Cổ đông;

- Quyết định một số nội dung liên quan đến công tác đầu tư của công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến.

3. Thù lao Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị đã nhận thù lao năm 2017 theo phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 là 87.600.000 đồng, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 3.300.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng

4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò được giao, theo đúng định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của Hội đồng quản trị;
- Kịp thời và hiệu quả trong công tác đề xuất, kiến nghị các nội dung liên quan đến vấn đề về công tác tổ chức, thực hiện đầu tư và kinh doanh của Công ty;
- Triển khai hiệu quả các chủ trương đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

5. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018

Năm 2018, Hội đồng quản trị định hướng một số chỉ tiêu chính về kết quả kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Tổng doanh thu: 39,5 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 24 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: $\geq 15\%$

Căn cứ vào các mục tiêu này, trong năm 2018, Hội đồng quản trị tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công tác quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty trên tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với Ban Điều hành, nhằm đảm bảo việc triển khai Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện kịp thời và có hiệu quả;
- Tổ chức định hướng chiến lược đầu tư và chỉ đạo xây dựng kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty;
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức họp định kỳ theo Quy định tại Điều lệ Công ty, sẵn sàng tiếp thu những ý kiến đóng góp và tiếp nhận, xử lý kịp thời các kiến nghị, khiếu nại của cổ đông (nếu có);

Trên đây là báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn trong năm 2017 và định hướng hoạt động trong năm 2018. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình trong công tác quản trị Công ty, nhằm hoàn thành tốt những mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc toàn thể quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Hồng Thái

Số: 18/2018/BC-BKS

Bình Định, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm tài chính 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018, như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn năm 2017 gồm có:

*** Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017:**

- Ông Nguyễn Kim Toàn Trưởng Ban

- Ông Phạm Minh Quốc Thành viên

- Ông Nguyễn Minh Hùng Thành viên

*** Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022 (Bổ nhiệm ngày 21/04/2017):**

- Ông Nguyễn Kim Toàn Trưởng Ban

- Ông Trịnh Xuân Sơn Thành viên

- Ông Trần Hữu Hiếu Thành viên

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát việc tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư Công ty.

Trong các cuộc họp HĐQT mà Ban Kiểm soát chúng tôi được mời tham dự chúng tôi đều tham gia đầy đủ, có ý kiến đóng góp với HĐQT và Ban Điều hành.

Ban Kiểm soát đã nhận thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 là 26.400.000 đồng, cụ thể:

- Trưởng Ban kiểm soát: 1.100.000 đồng/tháng.

- Thành viên BKS: 550.000 đồng/tháng.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ Ban Điều hành trong việc điều hành mọi hoạt động của Công ty.

HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, họp đột xuất hoặc lấy ý kiến các thành viên theo quy định để thông qua các nội dung kịp thời cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã ban hành đúng chức năng, quyền hạn, kịp thời, phù hợp với chủ trương của Nghị quyết ĐHDCD và tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Ban Điều hành:

Ban Kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Ban Điều hành trong việc tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ban Điều hành đã tổ chức mọi hoạt động của Công ty hiệu quả nhất. Những vấn đề vượt thẩm quyền đã báo cáo đề HĐQT quyết định và chỉ đạo kịp thời.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty; không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Điều hành Công ty.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban điều hành Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

III. CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

1. Công tác tài chính kế toán và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017:

Công ty thực hiện công tác kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành, các số liệu được ghi nhận đầy đủ, chính xác, trung thực và đã được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Các chỉ tiêu cơ bản tại ngày 31/12/2017 như sau:

DVT: Đồng

TT	Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tài sản ngắn hạn	23.577.000.000	23.377.000.000
2	Tài sản dài hạn	158.426.000.000	163.581.000.000
3	Nợ phải trả	35.472.000.000	46.859.000.000
4	Vốn chủ sở hữu	146.531.003.596	140.099.000.000
5	Tổng Tài sản/Nguồn vốn	182.003.000.000	186.958.000.000

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

DVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
I	Tổng doanh thu	39.468.000.000	37.302.000.000	94,51%
II	Tổng chi phí	15.758.000.000	12.054.000.000	76,49%
1	Chi phí trực tiếp	8.905.000.000	5.815.000.000	65,30%
2	Chi phí tài chính	4.479.000.000	4.086.000.000	91,23%
3	Chi phí gián tiếp	2.374.000.000	2.153.000.000	90,69%
III	Lợi nhuận trước thuế	23.710.000.000	25.248.000.000	106,49%
	Thuế TNDN	1.199.000.000	1.277.000.000	106,51%
IV	Lợi nhuận sau thuế	22.511.000.000	23.971.000.000	106,49%

3. Kết quả hoạt động đầu tư năm 2017:

Các hạng mục đầu tư đã hoàn thành trong năm: Không

Các hạng mục đầu tư đang thực hiện: San lấp tạo bãi, kè bảo vệ, đường và bãi sau cầu cảng (đợt 2); Văn phòng làm việc Công ty và Công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc về tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Theo dõi, giám sát việc ký kết, thực hiện có hiệu quả các hợp đồng.

Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2018.

V. KIẾN NGHỊ: Không

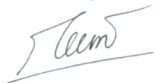
Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Nguyễn Kim Toàn

Số: 19/2018/BC-QSP

Bình Định, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2017, Ban Điều hành xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018, các nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2017

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tiếp tục cho thuê 4ha bãi đã san lấp và hợp tác với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trong việc khai thác hạ tầng cầu cảng đã đầu tư.

Các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017:

DVT:VN đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
I	Tổng doanh thu	39.468.000.000	37.302.000.000	94,51%
II	Tổng chi phí	15.758.000.000	12.054.000.000	76,49%
1	Chi phí trực tiếp	8.905.000.000	5.815.000.000	65,30%
2	Chi phí tài chính	4.479.000.000	4.086.000.000	91,23%
3	Chi phí gián tiếp	2.374.000.000	2.153.000.000	90,69%
III	Lợi nhuận trước thuế	23.710.000.000	25.248.000.000	106,49%
	Thuế TNDN	1.199.000.000	1.277.000.000	106,51%
IV	Lợi nhuận sau thuế	22.511.000.000	23.971.000.000	106,49%

2. Về hoạt động đầu tư:

Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư của Công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến, bao gồm: Điều chỉnh, bổ sung dự toán (Bổ sung kinh phí tư vấn lập dự án xin cấp phép nhận chìm và kinh phí thuê khu vực biển theo quy định hiện hành), triển khai công tác lựa chọn nhà thầu.

II. KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Năm 2018, Công ty tiếp tục hợp tác với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trong công tác khai thác hạ tầng cầu cảng đã hoàn thành. Cùng với công tác khai thác cầu bến, Công ty tiếp tục khai thác hơn 4ha bãi đã san lấp thông qua việc cho thuê chứa hàng đăm gỗ.

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018:

ĐVT: VN đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch Năm 2018	Tỷ lệ
I	Tổng doanh thu	37.302.000.000	39.468.000.000	105,8%
II	Tổng chi phí	12.054.000.000	14.190.000.000	117,7%
1	Chi phí trực tiếp	5.815.000.000	8.140.000.000	139,9%
2	Chi phí tài chính	4.086.000.000	3.500.000.000	85,7%
3	Chi phí gián tiếp	2.153.000.000	2.550.000.000	118,4%
III	Lợi nhuận trước thuế	25.248.000.000	25.278.000.000	100,1%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.277.000.000	1.278.000.000	100,1%
IV	Lợi nhuận sau thuế	23.971.000.000	24.000.000.000	100,1%
V	Cổ tức	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018	≥ 15%	

2. Kế hoạch đầu tư năm 2018

Tiếp tục triển khai thực hiện Công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến.

Đối với các hạng mục còn lại theo dự án đã được duyệt đang thực hiện hoặc chưa triển khai đầu tư, Công ty sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp để tiếp tục triển khai đầu tư với mục tiêu là hiệu quả tốt nhất cho cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn về hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018. Ban Điều hành sẽ nỗ lực hết mình nhằm đảm bảo đạt được tốt nhất những chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

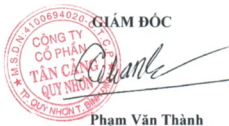
Kính chúc toàn thể quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Tín Dân	Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Lê Hồng Thái	Thành viên	21 tháng 4 năm 2017	
Bà Nguyễn Thị Nghiệp	Thành viên	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Lê Duy Linh	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	21 tháng 4 năm 2017
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Kim Toàn	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Trịnh Xuân Sơn	Thành viên	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Trần Hữu Hiếu	Thành viên	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	21 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Minh Quốc	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	21 tháng 4 năm 2017
<u>Ban giám đốc</u>			
Ông Phạm Văn Thành	Giám đốc	21 tháng 4 năm 2017	
Ông Mai Quang Cường	Kế toán trưởng	21 tháng 4 năm 2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Thành, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



PHẠM VĂN THÀNH - Giám đốc

Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, được lập ngày 01 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VŨ THỊ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.577.322.941	23.376.384.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.300.329.460	12.307.567.930
1. Tiền	111		100.329.460	207.567.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.200.000.000	12.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.500.000.000	7.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.500.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.492.845.966	4.068.650.463
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.389.768.263	3.866.681.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	69.990.000	103.990.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	31.096.389	97.978.611
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.991.314	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.147.515	165.696
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		284.147.515	165.696
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.425.612.868	163.581.442.520
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		157.853.852.330	162.998.202.341
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	157.853.852.330	162.998.202.341
Nguyên giá	222		182.831.544.976	182.831.544.976
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.977.692.646)	(19.833.342.635)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		569.389.847	569.389.847
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	569.389.847	569.389.847
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.370.691	13.850.332
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.370.691	13.850.332
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		182.002.935.809	186.957.826.609

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.471.932.213	46.858.366.055
I. Nợ ngắn hạn	310		14.381.469.816	13.367.903.658
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	36.420.229	80.257.999
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.019.954.817	1.006.140.771
3. Phải trả người lao động	314		156.738.909	142.644.213
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	114.000.000	93.600.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	86.040.309	99.116.832
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	12.400.000.000	11.600.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	568.315.552	346.143.843
II. Nợ dài hạn	330		21.090.462.397	33.490.462.397
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	20.790.462.397	33.190.462.397
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146.531.003.596	140.099.460.554
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	146.531.003.596	140.099.460.554
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		107.922.750.000	107.922.750.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>107.922.750.000</i>	<i>107.922.750.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.637.742.110	9.690.853.575
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.970.511.486	22.485.856.979
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>23.970.511.486</i>	<i>22.485.856.979</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		182.002.935.809	186.957.826.609



Bình Định, ngày 03 tháng 03 năm 2018

PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MAU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	
				Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.590.345.030	36.402.297.880
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36.590.345.030	36.402.297.880
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.814.928.680	5.879.938.402
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.775.416.350	30.522.359.478
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	711.205.186	738.856.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.085.757.865	5.198.477.437
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.085.757.865</i>	<i>3.198.477.437</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.153.335.791	2.379.792.641
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.247.527.880	23.682.945.768
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.247.527.880	23.682.945.768
15. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	1.277.016.394	1.197.088.789
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.970.511.486	22.485.856.979
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a	2.154	2.021
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7b	2.154	2.021



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc


MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng


MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BAO CAO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MÃU B03-DN Đơn vị tính: VND	
			Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.247.527.880	23.682.945.768
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.144.350.011	5.144.350.011
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lợi từ hoạt động đầu tư	05		(711.205.186)	(725.846.945)
- Chi phí lãi vay	06		4.085.757.865	5.198.477.437
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.766.430.570	33.299.926.271
- Giảm các khoản phải thu	09	VII	(1.775.059.544)	(2.818.813.812)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		-	-
- (Tăng)/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(86.852.257)	(36.646.026)
- Giảm chi phí trả trước	12		11.479.641	114.186.209
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.085.757.865)	(5.198.477.437)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.185.693.167)	(1.264.580.492)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(452.404.000)	(442.624.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.192.143.380	23.652.978.173
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	-	(77.112.456)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	3.900.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		778.087.408	838.335.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.278.087.408	4.661.223.100
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.600.000.000)	(10.400.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(16.877.469.258)	(14.736.969.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.477.469.258)	(25.136.969.444)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.992.761.530	3.177.223.769
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.307.567.930	9.130.344.161
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	14.300.329.460	12.307.567.930



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

(Signature)

(Signature)

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

(Signature)

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÃU B09-DN

L. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai số 4100694020 vào ngày 04 tháng 7 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư dự án: Xây dựng công trình cầu cảng Container 30.000DWT – Cảng Quy Nhơn. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ hai ngày 05 tháng 9 năm 2014 về việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 10.792.275 cổ phiếu niêm yết tương ứng 107.922.750.000 VND. Ngày 23 tháng 9 năm 2016, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Hà Nội với mã chứng khoán là QSP.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 26 tháng 3 năm 2012.

• **Vốn điều lệ** : 107.922.750.000 VND

Số cổ phiếu : 10.792.275 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	16,68%
2	Cổ đông khác	8.992.275	89.922.750.000	83,32%
	Cộng	10.792.275	107.922.750.000	100,00%

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Điện thoại : (84 – 56) 3 893 239

Fax : (84 – 56) 3 893 888

Mã số thuế : 4 1 0 0 6 9 4 0 2 0

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh bốc xếp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: kinh doanh kho bãi);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: dịch vụ lai dắt tàu biển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán năm thứ 9 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền cho thuê kho bãi, cho thuê cầu cảng.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí tư vấn, chi phí xây dựng, chi phí kiểm toán, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013" và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định", cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 40
Máy móc thiết bị	6

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí tư vấn liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền mua dụng cụ văn phòng và dụng cụ sản xuất.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau: Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính là 2 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ hoặc lợi ích đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ.

11. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng, khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho sở hữu bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đo ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt	35.362.906	11.019.091
Tiền gửi ngân hàng	64.966.554	196.548.839
Các khoản tương đương tiền (i)	14.200.000.000	12.100.000.000
Cộng	14.300.329.460	12.307.567.930

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 4,3%/năm đến 4,8%/năm (năm 2016: 4,3%/năm đến 4,8%/năm)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	3.500.000.000	3.500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	3.500.000.000	3.500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 5,3%/năm (năm 2016: 5,4%/năm).

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017	31/12/2016
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	4.290.000.000	2.772.000.000
Công ty TNHH SX Dầm gỗ Bình Định	542.153.304	535.713.750
Công ty TNHH Hào Hưng Long An	557.614.959	558.968.102
Cộng	5.389.768.263	3.866.681.852

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	4.290.000.000	2.772.000.000
Cộng	4.290.000.000	2.772.000.000

4. Trả trước cho người bán

Công ty TNHH TVTKXD Huy Hoàng	44.490.000	44.490.000
Viện Cảng - Kỹ thuật hàng hải	25.500.000	25.500.000
Công ty TNHH TVXD 4S	-	34.000.000
Cộng	69.990.000	103.990.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi	31.096.389	-	97.978.611	-
Cộng	31.096.389	-	97.978.611	-

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2017	182.788.454.067	43.090.909	182.831.544.976
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2017	182.788.454.067	43.090.909	182.831.544.976
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2017	19.824.448.986	8.893.649	19.833.342.635
Tăng trong năm	5.137.168.193	7.181.818	5.144.350.011
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>5.137.168.193</i>	<i>7.181.818</i>	<i>5.144.350.011</i>
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2017	24.961.617.179	16.075.467	24.977.692.646
Giá trị còn lại			
01/01/2017	162.964.005.081	34.197.260	162.998.202.341
31/12/2017	157.826.836.888	27.015.442	157.853.852.330

Như trình bày tại Thuyết minh số V.14, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tương ứng là 157.826.836.888 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 162.964.005.081 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	31/12/2016
Công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến	58.872.456	58.872.456
Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc	32.620.909	32.620.909
Hạng mục công trình san lấp tạo bãi Đợt 2	300.423.755	300.423.755
Hạng mục Đầu tư mua sắm thiết bị cần trục trên bến	177.472.727	177.472.727
Cộng	569.389.847	569.389.847

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí dụng cụ văn phòng	2.370.691	7.933.963
Chi phí dụng cụ sản xuất	-	5.916.369
Cộng	2.370.691	13.850.332

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	3.373.616	3.373.616	47.211.386	47.211.386
Công ty Cổ phần TV XD CT Hàng Hải	33.046.613	33.046.613	33.046.613	33.046.613
Cộng	36.420.229	36.420.229	80.257.999	80.257.999
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn			3.373.616	47.211.386
Cộng			3.373.616	47.211.386

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	751.585.431	3.617.344.735	3.688.901.050	680.029.116
Thuế thu nhập doanh nghiệp	229.493.262	1.277.016.394	1.185.693.167	320.816.489
Thuế thu nhập cá nhân	25.062.078	742.263.567	748.216.433	19.109.212
Tiền thuế đất		540.731.179	540.731.179	-
Các loại thuế khác	-	11.914.629	11.914.629	-
- Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
- Thuế đất phi nông nghiệp		-	8.914.629	-
Cộng	1.006.140.771	6.230.960.272	6.217.146.226	1.019.954.817

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng : Thuế suất hàng bán trong nước là 10%

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.6

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo các qui định hiện hành.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Phải trả thù lao HDQT, BKS	114.000.000	93.600.000
Cộng	114.000.000	93.600.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả khác	31/12/2017	31/12/2016
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	86.040.309	99.116.832
Cộng	86.040.309	99.116.832
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty Cổ phần TMDV Công Thành	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vay và nợ tài chính

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2017	Tăng	Giảm	Giá trị	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	31/12/2016
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	12.400.000.000	12.400.000.000	(11.600.000.000)	11.600.000.000	11.600.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem Thuyết minh V.13b (i))	12.400.000.000	12.400.000.000	(11.600.000.000)	11.600.000.000	11.600.000.000
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	20.790.462.397	20.790.462.397	-	33.190.462.397	33.190.462.397
Vay dài hạn ngân hàng (i)	20.790.462.397	20.790.462.397	-	33.190.462.397	33.190.462.397
Cộng	33.190.462.397	33.190.462.397	(24.000.000.000)	44.790.462.397	44.790.462.397
(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quy Nhơn theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HD ngày 28 tháng 12 năm 2009, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2012/BSHD ngày 22 tháng 11 năm 2012 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/BSHD ngày 10 tháng 7 năm 2013 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/2216452/SDBS ngày 31 tháng 07 năm 2015; Hạn mức tín dụng là 76.000.000.000 VND, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất 10%/năm (năm 2016 10%/năm). Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số V.6).					

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quy Nhơn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Trong vòng 1 năm	12.400.000.000	11.600.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	20.790.462.397	33.190.462.397
Sau 5 năm	-	-
Trư: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	33.190.462.397	44.790.462.397
Số phải trả sau 12 tháng	(12.400.000.000)	(11.600.000.000)
	20.790.462.397	33.190.462.397

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2017	Năm 2016
31/12/2016	346.143.843	200.850.266
Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm trước	674.575.709	587.918.177
Chi các quỹ trong năm	(452.404.000)	(442.624.600)
31/12/2017	568.315.552	346.143.843

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2016	107.922.750.000	5.379.453.612	19.597.272.557	132.899.476.169
Lợi nhuận năm 2016		-	22.485.856.979	22.485.856.979
Trích lập các quỹ		4.311.399.963	(4.899.318.140)	(587.918.177)
Chia cổ tức		-	(14.697.954.417)	(14.697.954.417)
31/12/2016	107.922.750.000	9.690.853.575	22.485.856.979	140.099.460.554
01/01/2017	107.922.750.000	9.690.853.575	22.485.856.979	140.099.460.554
Lợi nhuận năm 2017	-	-	23.970.511.486	23.970.511.486
Trích lập các quỹ	-	4.946.888.535	(5.621.464.244)	(674.575.709)
Chia cổ tức	-	-	(16.864.392.735)	(16.864.392.735)
31/12/2017	107.922.750.000	14.637.742.110	23.970.511.486	146.531.003.596

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100694020 ngày 04 tháng 07 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 2, vốn điều lệ của Công ty là 107.922.750.000 VND đã được góp đủ từ năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ đông khác	89.922.750.000	89.922.750.000
Cộng	107.922.750.000	107.922.750.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.792.275	10.792.275
Cổ phiếu phổ thông	10.792.275	10.792.275
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.792.275	10.792.275
Cổ phiếu phổ thông	10.792.275	10.792.275
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Chia cổ tức cho các cổ đông	16.864.392.735	14.697.954.417
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nước	4.946.888.535	4.311.399.963
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	674.575.709	587.918.177
Cộng	22.485.856.979	19.597.272.557

Trong đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bổ sung từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 với số tiền 674.575.709 VND và chưa tạm trích lập cho năm 2017.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
a) Doanh thu		
Doanh thu khai thác cầu cảng	24.600.000.000	24.620.000.000
Doanh thu cho thuê bãi	11.990.345.030	11.782.297.880
Cộng	36.590.345.030	36.402.297.880
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	24.600.000.000	24.620.000.000
Cộng	24.600.000.000	24.620.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê cầu cảng	4.813.853.143	4.771.555.358
Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê kho bãi	1.001.075.537	1.108.383.044
Cộng	5.814.928.680	5.879.938.402

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.876.853	13.009.423
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	707.328.333	725.846.945
Cộng	711.205.186	738.856.368

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	4.085.757.865	5.198.477.437
Cộng	4.085.757.865	5.198.477.437

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	1.494.393.365	1.559.455.960
Chi phí nguyên vật liệu	10.323.636	9.379.726
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.705.090	9.469.841
Thuế, phí và lệ phí	76.732.500	192.697.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.229.008	170.859.732
Chi phí bằng tiền khác	427.952.192	437.929.882
Cộng	2.153.335.791	2.379.792.641

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận trước thuế	25.247.527.880	23.682.945.768
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	292.800.000	258.830.000
Chi phí không được khấu trừ	292.800.000	258.830.000
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Thu nhập chịu thuế	25.540.327.880	23.941.775.768
Thuế suất áp dụng	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.554.032.788	2.394.177.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	1.277.016.394	1.197.088.788
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.277.016.394	1.197.088.789

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong thời gian là 15 năm (Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Công ty được miễn 4 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp)

Năm 2017 là năm thứ 8 doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất là 10% và là năm thứ 4 được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.970.511.486	22.485.856.979
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(719.115.345)	(674.575.709)
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.251.396.141	21.811.281.270
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.154	2.021

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017 tạm trích 3% từ lợi nhuận sau thuế để xác định chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (tỷ lệ tạm trích như năm 2016).

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.251.396.141	21.811.281.270
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	23.251.396.141	21.811.281.270
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	10.792.275	10.792.275
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.154	2.021

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.945.095	136.170.935
Chi phí nhân công	1.494.393.365	1.559.455.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.144.350.011	5.144.350.011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	877.623.808	981.824.255
Chi phí khác bằng tiền	427.952.192	437.929.882
Cộng	7.968.264.471	8.259.731.043

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	31.096.389	97.978.611

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm nay	97.978.611	210.467.222

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Trong vòng 1 năm	567.953.597	567.953.597
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.271.814.388	2.271.814.388
Sau 5 năm	20.989.125.940	21.557.079.537
Cộng	23.828.893.925	24.396.847.522

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 121.560 m² đất bao gồm 12.761,5 m² đất chuyên dùng, 108.798,5 m² đất mặt nước theo Hợp đồng thuê đất số 112/HĐ-TĐ ngày 5 tháng 11 năm 2009 và 1.038,5 m² đất văn phòng theo Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ-TĐ ngày 19 tháng 02 năm 2011 thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Trong vòng 1 năm	11.648.281.920	11.648.281.920
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	32.675.246.780	36.490.060.860
Sau 5 năm	-	7.833.467.840
Cộng	<u>44.323.528.700</u>	<u>55.971.810.620</u>

Các khoản thu tiền thuê hoạt động thể hiện:

Khoản phải thu cho thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền cho Công ty TNHH Hào Hưng Long An thuê 22.366 m² đất theo Hợp đồng kinh tế số 2503/2013/HDKT ngày 25 tháng 3 năm 2013 để đầu tư xây dựng bãi chứa đám gỗ rời và lắp đặt hệ thống băng tải để chuyên đám xuống tàu và Công ty TNHH Sản xuất Đám gỗ Bình Định thuê 19.980 m² đất theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa đám gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Mối quan hệ

Cổ đông (chiếm 16,68% vốn điều lệ)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Phải trả tiền cổ tức	2.813.400.000	2.451.600.000
Doanh thu thuần khai thác cầu cảng	24.600.000.000	24.620.000.000
Tiền thuê nhà và tiền điện phải trả	184.845.882	193.930.263

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Phải thu tiền cho khai thác cầu cảng	4.290.000.000	2.772.000.000
Phải trả tiền thuê nhà, tiền điện	3.373.616	47.211.386

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Tiền lương	595.348.743	576.482.500
Các khoản khác	206.552.000	183.698.000
Cộng	<u>801.900.743</u>	<u>760.180.500</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Các khoản vay	33.190.462.397	44.790.462.397
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(14.300.329.460)	(12.307.567.930)
Nợ thuần	18.890.132.937	32.482.894.467
Vốn chủ sở hữu	<u>146.531.003.596</u>	<u>140.099.460.555</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	13%	23%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị, cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền	100.329.460	100.329.460	207.567.930	207.567.930
Các khoản tương đương tiền	14.200.000.000	14.200.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.500.000.000	3.500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.389.768.263	5.389.768.263	3.866.681.852	3.866.681.852
Phải thu ngắn hạn khác	31.096.389	31.096.389	97.978.611	97.978.611
Cộng	<u>23.221.194.112</u>	<u>23.221.194.112</u>	<u>23.272.228.393</u>	<u>23.272.228.393</u>

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán ngắn hạn	36.420.229	36.420.229	80.257.999	80.257.999
Chi phí phải trả ngắn hạn	114.000.000	114.000.000	93.600.000	93.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	86.040.309	86.040.309	99.116.832	99.116.832
Phải trả dài hạn khác	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12.400.000.000	12.400.000.000	11.600.000.000	11.600.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.790.462.397	20.790.462.397	33.190.462.397	33.190.462.397
Cộng	33.726.922.935	33.726.922.935	45.363.437.228	45.363.437.228

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung ở bộ phận cho thuê, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn liên quan đến nhóm khách hàng thuê bãi và cầu cảng khai thác, rủi ro tín dụng đã được Ban Giám đốc Công ty đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số V.3.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền	100.329.460	-	-	100.329.460
Các khoản tương đương tiền	14.200.000.000	-	-	14.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.500.000.000	-	-	3.500.000.000
Phải thu của khách hàng	5.389.768.263	-	-	5.389.768.263
Phải thu khác	31.096.389	-	-	31.096.389
Cộng	23.221.194.112	-	-	23.221.194.112
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	36.420.229	-	-	36.420.229
Chi phí phải trả	114.000.000	-	-	114.000.000
Phải trả khác	86.040.309	300.000.000	-	386.040.309
Các khoản vay	12.400.000.000	20.790.462.397	-	33.190.462.397
Cộng	12.636.460.538	21.090.462.397	-	33.726.922.935
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.584.733.574	(21.090.462.397)	-	(10.505.728.823)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền	207.567.930	-	-	207.567.930
Các khoản tương đương tiền	12.100.000.000	-	-	12.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Phải thu của khách hàng	3.866.681.852	-	-	3.866.681.852
Phải thu khác	97.978.611	-	-	97.978.611
Cộng	23.272.228.393	-	-	23.272.228.393
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	80.257.999	-	-	80.257.999
Chi phí phải trả	93.600.000	-	-	93.600.000
Phải trả khác	99.116.832	300.000.000	-	399.116.832
Các khoản vay	11.600.000.000	33.190.462.397	-	44.790.462.397
Cộng	11.872.974.831	33.490.462.397	-	45.363.437.228
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.399.253.562	(33.490.462.397)	-	(22.091.208.835)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có nhận được thông báo về đơn giá thuê đất của Cục thuế tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất dẫn đến sự thay đổi về số liệu của thuyết minh VIII.1 - "Cam kết thuê hoạt động" tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên Báo tài chính của kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tài chính của kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh trên đến thuyết minh VIII.1 trên thuyết minh Báo cáo tài chính của kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Cam kết thuê

	31/12/2016 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2016 (Được trình bày lại)
Trong vòng 1 năm	494.600.720	73.352.877	567.953.597
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.978.402.880	293.411.508	2.271.814.388
Sau 5 năm	18.788.008.430	2.769.071.107	21.557.079.537
Cộng	21.261.012.030	3.135.835.492	24.396.847.522

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Định, ngày 01 tháng 03 năm 2018



Phạm Văn Thành
Giám đốc

Mai Quang Cường
Kế toán trưởng

Mai Quang Cường
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Số: 20/2018/TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

TT	Chi tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2017	23.970.511.486
2	Trích lập các quỹ năm 2017	6.699.757.961
-	Quỹ Đầu tư phát triển (25%)	5.992.627.872
-	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (2,95%)	707.130.089
3	Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017	17.270.753.525
-	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	16%

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Hồng Thái

Số: 21/2018/TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm tài chính 2018. Cụ thể như sau:

TT	Chức vụ	Số người	Mức thù lao đồng/tháng	Thời gian (tháng)	Thành tiền
1	Chủ tịch HĐQT	1	3.600.000	12	43.200.000
2	Thành viên HĐQT	2	2.200.000	12	52.800.000
3	Trưởng BKS	1	1.200.000	12	14.400.000
4	Thành viên BKS	2	600.000	12	14.400.000
	Tổng cộng				124.800.000

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Thái

Số: 22/2018/TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018, như sau:

Yêu cầu đối với Công ty kiểm toán độc lập: Phải thuộc danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố; Đáp ứng được yêu cầu của Công ty, thực hiện kiểm toán đúng thời hạn, uy tín và chất lượng.

Dựa trên tiêu chuẩn về các cam kết, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí, để phù hợp với tình hình kinh doanh và sự phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt là đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018.

Trong trường hợp đàm phán hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt không thành công thì Hội đồng quản trị được chọn một Công ty có tên trong danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Hồng Thái

Số: 23/2018/TTr-HDQT

Bình Định, ngày 26 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty theo quy định về quản trị công ty áp dụng cho Công ty đại chúng.

Chi tiết Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty dự thảo đính kèm.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Thái

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018
của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn)*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung
Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và Thông tư
số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp
dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và những người điều hành khác của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cổ đông;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- c) Ban Điều hành: Giám đốc, kế toán trưởng;
- d) Cán bộ quản lý khác của Công ty.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được điều hành, kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị gồm:

- a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- b) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- c) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- d) Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty;
- đ) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

3. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

4. “HDQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị.

5. “BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát.

6. “ĐHĐCĐ” có nghĩa là là Đại hội đồng cổ đông.

7. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp được công bố thông tin trên website Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và gửi cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong đó nêu rõ đường dẫn toàn bộ tài liệu họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng tải trên trang thông tin điện tử Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Biên bản, Nghị quyết đối với các vấn đề trong chương trình họp;

b) Thông tin ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong trường hợp xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan các đến ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu ủy quyền của người dự họp: Mẫu ủy quyền được coi là hợp lệ khi đó là mẫu của Công ty, được đóng dấu treo Công ty và có chữ ký theo quy định sau:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được nhận ủy quyền dự họp;

- Trường hợp cổ đông ủy quyền là một tổ chức thì có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó và chữ ký của người được nhận ủy quyền dự họp.

2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến trước khi cuộc họp khai mạc có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội sau khi đăng ký. Trường hợp, Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Việc biểu quyết tại cuộc họp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

- Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết áp dụng đối với những vấn đề mang tính chất thủ tục.

- Biểu quyết bằng cách ghi Phiếu biểu quyết áp dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại cuộc họp.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu và thông qua kết quả kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và được tiến hành tại cuộc họp có sự giám sát của cổ đông hoặc Đoàn chủ tịch.

- Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu và có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu, Thành viên ban kiểm phiếu thông báo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 8. Cách thức phân đối Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 19. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả nội dung tại cuộc họp phải được Thư ký Đại hội ghi thành biên bản. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.

2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định công bố ra công chúng của pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo các quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến nội dung lấy ý kiến và gửi đến tất cả các cổ đông có

đồng biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

3. Phiếu lấy ý kiến do Công ty phát hành phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến được trả lời gửi về lại Công ty phải các chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện pháp luật của tổ chức chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín hoặc fax hoặc thư điện tử và phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung lấy ý kiến hoặc bị hư hỏng đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị mà người không thuộc đối tượng mà Pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty đại chúng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác (có hiệu lực từ ngày 01/08/2019).

Điều 13. Ứng cử, đề cử và cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Ứng cử, đề cử và cách bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng gần nhất có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

2. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 12 của quy chế này;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 15. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;

5. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

CHƯƠNG IV: HỢP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Thông báo hợp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập hợp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định thông qua. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 18. Điều kiện tổ chức hợp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất; trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 19. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 2 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

2. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 20. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 21. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau.

Điều 22. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết của HĐQT được thông báo đến các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định khoản 1 điều 164 Luật doanh nghiệp, các quy định tại Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 24. Ứng cử, đề cử và cách thức bầu Kiểm soát viên

Được thực hiện như quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 25. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Kiểm soát viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định Pháp luật và Điều lệ công ty;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 27. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của Giám đốc công ty

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

- Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế đối lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

2. Tiêu chuẩn của người điều hành khác của doanh nghiệp: Do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu quản lý của công ty được HĐQT quy định.

Điều 29. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Luật lao động hiện hành.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định Pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 32. Thủ tục trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Được thực hiện theo quy định tại Chương IV của Quy chế này.

Điều 33. Thông báo Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc

Tất cả các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Giám đốc.

Điều 34. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Giám đốc.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn đã được giao theo quy định.

Điều 36. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

Căn cứ vào kết quả thực hiện, Hội đồng quản trị tổ chức họp kiểm điểm đối với Giám đốc về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc theo quy định Công ty.

Điều 37. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo:

- Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kết quả kinh doanh hàng năm và kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo; báo cáo tài chính năm cho từng năm tài chính;
- Trình HĐQT quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Các báo cáo khác khi được yêu cầu.

2. Giám đốc phải cung cấp thông tin trong phạm vi cho phép của mình, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát yêu cầu Giám đốc cung cấp thông tin. Tất cả các báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian sớm nhất.

Điều 38. Phối hợp hoạt động

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc thường xuyên trao đổi công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ công ty, các quy định nội bộ và kế hoạch kinh doanh chung của Công ty.

2. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc sẽ không can thiệp vào công việc điều hành của nhau.

3. Trong một số trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, ban kiểm soát, ban Tổng giám đốc có thể thông tin cho Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc tất cả để giải quyết công việc một cách kịp thời, hiệu quả.

CHƯƠNG VIII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 39. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty sẽ quyết định trong phạm vi thẩm quyền theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 40. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Thực hiện theo quy định tại Điều 24, 25, 26 và 27 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

CHƯƠNG X: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này sẽ do HĐQT xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm các sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định trong Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Quy chế này gồm 11 Chương 43 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực áp dụng từ ngày 27 tháng 04 năm 2018.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Thái

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

PHIẾU BIỂU QUYẾT
(Tại cuộc họp thường niên năm 2018)

Họ và tên cổ đông/ủy quyền :
Mã cổ đông/ủy quyền :
Số cổ phần có quyền biểu quyết : cổ phần

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

- Cổ đông tán thành tất cả các nội dung biểu quyết thì đánh dấu "X" vào ô này
- Cổ đông chọn một trong ba phương án biểu quyết: "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" thì đánh dấu chéo (X) vào một trong ba ô dòng dưới của từng nội dung.

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và kế hoạch năm 2018
 Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018
 Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Báo cáo của Ban giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018
 Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán
 Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Tờ trình số 20/2018/TTr-HĐQT về việc phân phối lợi nhuận năm 2017
 Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Tờ trình số 21/2018/TTr-HĐQT về việc phê duyệt thù lao HĐQT và BKS năm 2018
 Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

7. Tờ trình số 22/2018/TTr-HĐQT về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
 Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

8. Tờ trình số 23/2018/TTr-HĐQT về việc phê duyệt Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty
 Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

Bình Định, ngày 27 tháng 04 năm 2018
CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(ký tên, ghi rõ họ tên)

DỰ THẢO

BIÊN BẢN CUỘC HỌP

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn
2. Địa chỉ: 02 Phan Chu Trinh, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100694020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần hai ngày 04/07/2012.
4. Thời gian và địa điểm họp: Cuộc họp bắt đầu vào lúc 07h45 ngày 27/04/2018, tại Tầng 8, Khách sạn Sài Gòn - Quy Nhơn, 24 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

PHẦN I: KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Trần Hữu Hiếu báo cáo Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp. Tại thời điểm 08h00 ngày 27/04/2018 cóCổ đông và đại diện được ủy quyền dự họp, đại diện cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là Đại hội) đủ điều kiện tiến hành.

2. Tuyên bố lý do cuộc họp và phát biểu khai mạc:

Ban tổ chức tuyên bố lý do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Giới thiệu thành phần tham dự họp: Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc Công ty.

Ông Lê Hồng Thái – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phát biểu khai mạc cuộc họp.

3. Thông qua chương trình và Quy chế làm việc tại cuộc họp:

Ông Phạm Văn Thành – Giám đốc Công ty, trình Đại hội Chương trình và Quy chế làm việc tại cuộc họp.

Chương trình và Quy chế làm việc đã được Đại hội thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

4. Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu:

Ông Phạm Văn Thành – Giám đốc Công ty thay mặt Hội đồng quản trị trình Đại hội Tờ trình số 16/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp.

Đoàn Chủ tịch:

- | | | |
|------------------------|-------------------|--------------|
| - Ông Lê Hồng Thái | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| - Ông Nguyễn Tín Dân | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Nghiệp | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |

Thư ký cuộc họp:

- Ông Mai Quang Cường - Kế toán trưởng - Thư ký cuộc họp

Ban kiểm phiếu:

- Ông Võ Văn Nhanh - P.TP KD & ĐĐKT - Trưởng ban

- Ông Tống Khánh Trinh - Điều độ viên - Thành viên

- Ông Trần Duy Thắng - Điều độ viên - Thành viên

Danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu đã được Đại hội thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

PHẦN II: CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI CUỘC HỌP

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ông Lê Hồng Thái – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị số 17/2018/BC-HĐQT ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát:

Thay mặt Ban kiểm soát, Ông Nguyễn Kim Toàn – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát số 18/2018/BC-BKS ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

3. Báo cáo của Ban giám đốc.

Ông Phạm Văn Thành – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Ban giám đốc số 19/2018/BC-QSP ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

4. Báo cáo tài chính năm 2017.

Ông Phạm Văn Thành – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt kiểm toán.

5. Các Tờ trình tại cuộc họp:

Ông Phạm Văn Thành, theo sự phân công của Hội đồng quản trị trình bày các Tờ trình:

- Tờ trình số 20/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc Phân phối lợi nhuận năm 2017;

- Tờ trình số 21/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc Phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018;

- Tờ trình số 22/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;

- Tờ trình số 23/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

PHẦN III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THẢO LUẬN

Các câu hỏi khác của cổ đông về nội dung các Báo cáo, Tờ trình tại cuộc họp và các vấn đề liên quan đến hoạt động Công ty đã được Đoàn chủ tịch trả lời và giải thích cho cổ đông.

PHẦN IV: BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông thủ tục biểu quyết các nội dung.

Ban kiểm phiếu làm việc theo Quy chế làm việc đã được Đại hội thông qua, thu Phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu. Kết quả biểu quyết như sau:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp trước khi biểu quyết là: cổ phần

Tổng số Phiếu phát ra: ...Phiếu; Tổng số Phiếu thu về: ... Phiếu

Số Phiếu thu về hợp lệ: ...Phiếu

TT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý		Không đồng ý		Không ý kiến	
		Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Báo cáo của HĐQT số 17/2018/BC-HĐQT ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018						
2	Báo cáo của Ban kiểm soát số 18/2018/BC-BKS ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018						
3	Báo cáo của Ban giám đốc số 19/2018/BC-QSP ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018						
4	Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán.						
5	Tờ trình số 20/2018/TTr-HĐQT ngày 20/03/2018 về việc phân phối lợi nhuận năm 2017						
6	Tờ trình số 21/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc phê duyệt thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018						
7	Tờ trình số 22/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018						
8	Tờ trình số 23/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc phê duyệt Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty						

Ghi chú: - Cổ phần: Số Cổ phần biểu quyết cho từng nội dung
- Tỷ lệ: Tỷ lệ cổ phần biểu quyết/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp

PHẦN V: CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC CUỘC HỌP

1. Biên bản này được Thư ký cuộc họp ghi lại đầy đủ và trung thực, gồm 04 trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Toàn văn Biên bản này và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã được Thư ký cuộc họp đọc và được Đại hội với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

2. Ông Lê Hồng Thái thay mặt ban tổ chức phát biểu cảm ơn và tuyên bố bế mạc cuộc họp.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn kết thúc lúc 10h30 cùng ngày.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Mai Quang Cường

Lê Hồng Thái

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn ngày 27/04/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị số 17/2018/BC-HĐQT ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát số 18/2018/BC-BKS ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc số 19/2018/BC-QSP ngày 26/03/2018 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động đầu tư năm 2017 và kế hoạch năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 20/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc phân phối lợi nhuận năm 2017 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 21/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 22/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 23/2018/TTr-HĐQT ngày 26/03/2018 về việc phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, lợi ích của các cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn có hiệu lực kể từ ngày 27/04/2018.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn thông qua toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 27/04/2018 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành Công ty;
- Công bố thông tin;
- Lưu TC-HC; HĐQT.

Lê Hồng Thái